

Bản án số: 14/2018/HSST
Ngày 17/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Phòng, Phó ban quản lý công trình đô thị và vệ sinh môi trường huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai

2. Ông Siu Tơ Lul, nguyên phó hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Du huyện Chư Sê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Mạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2018/TLST – HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST – HS ngày 21 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Siu C, sinh năm 1999, tại C, Gia Lai; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Làng P, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Siu H, sinh năm 1980 và bà Siu T, sinh năm 1980; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/01/2018 đến ngày 14/01/2018 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

2. Siu T1, sinh năm 1999, tại C, Gia Lai; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Làng P, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Rah Lan H, sinh năm 1975 và con bà Siu T, sinh năm 1977; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/01/2018 đến ngày 14/01/2018 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

3. Rah Lan R, sinh ngày 07/11/1998, tại C, Gia Lai; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Làng P, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Jrai; tôn giáo: Không; con ông Siu C,

sinh năm 1972 và bà Rah Lan V, sinh năm 1974; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/01/2018 đến ngày 14/01/2018 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

4. Kpă T, sinh ngày 02/8/2000 tại C, Gia Lai; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Làng P, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Jrai; tôn giáo: Không; con ông Siu N, sinh năm: 1964 và bà Kpă M, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/01/2018 đến ngày 14/01/2018 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

5. Rah Lan K, sinh ngày 20/3/2001, tại C, Gia Lai; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Làng P, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Jrai; tôn giáo: Không; con ông Siu H, sinh năm 1972 và bà: Rah Lan T, sinh năm 1981; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/01/2018 đến ngày 14/01/2018 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

6. Rah Lan B, sinh ngày 06/03/2000, tại C, Gia Lai; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Làng P, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Jrai; tôn giáo: Không; con ông Kơ Sor P, sinh năm 1960 (chết) và bà Rah Lan P, sinh năm 1962; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/01/2018 đến ngày 14/01/2018 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

7. Rah Lan S, sinh ngày 06/03/2000, tại C, Gia Lai; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Làng P, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 7/12. nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Jrai; tôn giáo: Không; con ông Kơ Sor P, sinh năm 1960 (chết) và bà Rah Lan P, sinh năm 1962; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/01/2018 đến ngày 14/01/2018 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

8. Siu T2, sinh ngày 05/05/2001, tại C, Gia Lai; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Làng P, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: Không đi học; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Jrai; tôn giáo: Không; con ông Siu H, sinh năm: 1976 và bà Siu G, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/01/2018 đến ngày 14/01/2018 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

9. Siu T3, sinh ngày 16 /11/ 2002, tại C, Gia Lai; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Làng P, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 5/12. nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Jrai; tôn giáo: Không; Con ông Siu C, sinh năm 1975 và bà Siu R, sinh năm 1977; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/01/2018 đến ngày 14/01/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Siu C, Siu T1, Rah Lan R, Kpă T, Rah Lan K, Rah Lan B, Rah Lan S, Siu T2, Siu T3:* Ông Lưu Đình Q, sinh năm 1975; Là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai

Địa chỉ: 46 Lê Thánh Tôn, thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người bị hại:* Ông Dương Văn S, sinh năm 1973. Địa chỉ: Làng I, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Kpă T:* Ông Siu N, sinh năm 1964 và bà Kpă M, sinh năm 1975

Đều trú tại: Làng P, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Rah Lan K:* Ông Siu H, sinh năm 1972 và bà Rah Lan T, sinh năm 1981

Đều trú tại: Làng P, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Rah Lan B và Rah Lan S:* Bà Ralan Pok, sinh năm 1962.

Trú tại: Làng P, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Siu T2:* Ông Siu H, sinh năm 1976 và bà Siu G, sinh năm 1972.

Đều trú tại: Làng P, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Siu T3:* Ông Siu C, sinh năm 1975 và bà Siu R, sinh năm 1977.

Đều trú tại: Làng P, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Ra Lah V, sinh năm 1974 và bà Siu C, sinh năm 1972

Đều trú tại: Làng P, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

+ Ông Siu H, sinh năm 1980 và bà Siu T, sinh năm 1980

Đều trú tại: Làng P, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

+ Ông Rah Lan H, sinh năm 1975 và bà Siu T, sinh năm 1977

Đều trú tại: Làng P, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Jrai:* bà Nay H'Chiêm.

Nơi công tác: Trung tâm y tế huyện Chư Sê. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 07/01/2018, sau khi uống rượu ở quán bà Đặng Thị C (tên gọi bà S), sinh năm 1954, thuộc tổ dân phố 1, thị trấn C xong Siu C, sinh năm 1999 rủ Siu T1, sinh năm 1999; Rah Lan R, sinh năm 1998; Rah Lan B, sinh năm 2000; Rah Lan S, sinh năm 2000; Rah Lan K, sinh ngày 20/3/2001; Kpă T, sinh năm 2000; Siu T2, sinh năm 2001 và Siu T3, sinh ngày 16/11/2002 đều trú tại Làng P, xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai đi chặn xe của người đi đường lấy tiền uống rượu tiếp, tất cả đều đồng ý và cùng rủ nhau đi về khu vực làng P, xã D trên 05 chiếc xe mô tô: Rah Lan S điều khiển xe Yamaha Sirius BKS 81V1- 16648 chở theo Siu C; Rah Lan B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Amico BKS 81K5-3739 chở

Siu T3; Kpã T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 81D1-04312 chở Siu T1; Rah Lan K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha BKS 81N5- 16833 chở Rah Lan R còn Siu T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha BKS 29R2- 2696 đi một mình. Trên đường đi từ thị trấn C về làng P, xã D thì Kpã T, Rah Lan K, Rah Lan R, Siu T2 và Siu T1 dừng lại ven đường nhặt mỗi người 01 (một) thanh gỗ có kích thước từ 64cm đến 98cm cầm theo để làm hung khí. Khi về tới khu vực ngã ba làng P, xã D thì Siu T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamahah BKS 29R2-2696 chạy về nhà Rah Lan R cất còn Kpã T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 81D1- 04312 chở Siu T1 về nhà Siu T1 lấy 01 (một) con dao dài 58cm và 01 cây sắt dài 92cm ra đưa cho Siu C và Siu T3. Sau đó cả bọn đem 04 chiếc xe mô tô BKS 81V1- 16648; xe mô tô BKS 81K5- 3739; xe mô tô BKS 81D1- 04312 và xe mô tô BKS 81N5- 1683 mang đi cất dấu ở khu vực phía sau rẫy cà phê cách đường nhựa khoảng 200m xong, cả bọn đi bộ ra ngoài đường nhựa liên xã thuộc khu vực ngã ba, làng P, xã D đứng. Đến 23 giờ cùng ngày cả bọn thấy ông Dương Văn S, sinh năm 1973, trú tại làng I, xã B, huyện C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Hon Da Wave RS, BKS: 81P1-01982 đi từ hướng xã B đến, Siu C cùng đồng bọn xông ra chặn xe lại, Siu C cầm dao đứng trước đầu xe máy Siu T3 cầm cây sắt dí vào hông phải ông Dương Văn S, còn Kpã T, Rah Lan K, Rah Lan R, Siu T2, Siu T1 mỗi người cầm 01 thanh gỗ, Rah Lan S và Rah Lan B không cầm gì đứng xung quanh xe máy của ông Dương Văn S. Siu C nói “Có tiền không đưa đây”, Rah Lan K nói “Có điện thoại không đưa đây” do sợ hãi và bị đánh nên ông Dương Văn S đã lấy 200.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Nokia N216 ra đưa cho Rah Lan R và Rah Lan K. Sau khi lấy được điện thoại và tiền thì Siu C và đồng bọn cho ông Dương Văn S đi, khi ông Dương Văn S vừa đi khỏi thì Rah Lan R đưa 200.000đ cho Kpã T, Rah Lan K đưa điện thoại di động hiệu Nokia 216 cho Siu T1 giữ và tất cả đi về nhà ngủ. Ngày 08/01/2018 ông Dương Văn S đã làm đơn trình báo, đến trưa ngày 08/01/2018 Siu C, Siu T1, Rah Lan R, Rah Lan S, Rah Lan B, Kpã T, Siu T2, Rah Lan K và Siu T3 đã đến công an xã Dun đầu thú và giao nộp toàn bộ số tiền, điện thoại đã cướp được cùng hung khí và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

***Vật chứng thu giữ gồm:**

- Tiền Việt nam đồng, tổng cộng 200.000đ; 01 Điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia N216 (RM 1187).

- 05 xe mô tô biển kiểm soát 81V1-16648; 81K5-3739; 81D1- 04312; 81N5-1683 và 29R2- 2696.

- 01 con dao kích thước 58cm, phần lưỡi dao dài 35,5cm phần cán dao bằng tre dài 22,5cm mũi dao nhọn; 01 cây sắt tròn dài 92cm, đường kính 2,5cm.

- 05 thanh gỗ gồm: 01 thanh gỗ tròn dài 71cm, đường kính lớn nhất 03cm, nhỏ nhất 02cm; 01 thanh gỗ hình chữ nhật dài 64cm có diện (4,5 x2,5)cm; 01 thanh gỗ tròn dài 96,5cm đường kính 03cm; 01 thanh gỗ hình chữ nhật dài 98cm, đầu lớn nhất diện (5,5x 2,5)cm đầu nhỏ nhất diện (3,5x 2,5)cm; 01 thanh gỗ hình chữ nhật dài 68cm đầu lớn nhất có diện(5x 2,5)cm đầu nhỏ nhất có diện 3x 2,5)cm;

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Chư Sê kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, nhãn hiệu N216 (RM-1187) theo yêu cầu định giá tài sản số: 18 ngày 11/01/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Chư Sê có giá trị là 560.000đ (Năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra đã xác định 05 xe mô tô biển kiểm soát 81V1-16648; 81K5-3739; 81D1- 04312; 81N5-1683 và 29R2- 2696 thuộc sở hữu của gia đình bà Rah Lan P, ông Siu N, Siu H và bà Rah Lan V khi các bị cáo Rah Lan S, Rah Lan B, Kpă T, Rah Lan Krêng và Rah Lan R lấy đi thực hiện hành vi cướp tài sản thì bà Rah Lan P, ông Siu N, Siu H và bà Rah Lan V không biết nên cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Chư Sê đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia N216 (RM-1187) và 200.000đ là vật chứng vụ án mà cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Chư Sê đã thu giữ là tài sản của bị hại Dương Văn S. Nên cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Chư Sê đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp, bị hại đã nhận lại tài sản và tiền hiện không có yêu cầu gì.

Đối với 01 con dao kích thước 58cm, phần lưỡi dao dài 35,5cm phần cán dao bằng tre dài 22,5cm mũi dao nhọn; 01 cây sắt tròn dài 92cm, đường kính 2,5cm là vật chứng trong vụ án xác định là của gia đình ông Rah Lan H, khi Siu T1 (con ông H) lấy mang đi thì ông H không biết nên không có căn cứ xử lý ông H là phù hợp và ông H không có yêu cầu xin lại 01 con dao dài 58cm và 01 cây sắt dài 92cm trên nên chuyển theo hồ sơ vụ án để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với 05 thanh gỗ gồm: 01 thanh gỗ tròn dài 71cm, đường kính lớn nhất 03cm, nhỏ nhất 02cm; 01 thanh gỗ hình chữ nhật dài 64cm có diện (4,5 x 2,5)cm; 01 thanh gỗ tròn dài 96,5cm đường kính 03cm; 01 thanh gỗ hình chữ nhật dài 98cm, đầu lớn nhất diện (5,5x 2,5)cm đầu nhỏ nhất diện (3,5x 2,5)cm; 01 thanh gỗ hình chữ nhật dài 68cm đầu lớn nhất có diện (5x 2,5)cm đầu nhỏ nhất có diện 3x 2,5)cm chuyển theo hồ sơ vụ án để giải quyết theo thẩm quyền.

***Về dân sự:**

Sau khi sự việc xảy các bị cáo đã tác động gia đình đến thăm hỏi xin lỗi và đã tự nguyện bồi thường mỗi gia đình bị can là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), tổng cộng là 2.700.000đ cho ông Dương Văn S tiền tổn thất tinh thần. Hiện ông Dương Văn S đã nhận đủ tiền, không có yêu cầu gì và đã làm đơn xin bãi nại cho các bị can.

Tại Bản cáo trạng số 11/CT – VKS ngày 08/02/2018, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Siu C, Siu T1, Rah Lan R, Rah Lan B, Rah Lan S, Rah Lan K, Kpă T, Siu T2 và Siu T3 về tội “*Cướp tài sản*” theo khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên xử các bị cáo Siu C, Siu T1, Rah Lan R, Rah

Lan B, Rah Lan S, Rah Lan K, Kpã T, Siu T2 và Siu Thuế phạm tội “*Cướp tài sản*”.

1. Căn cứ khoản 2, Điều 168; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51 và điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Siu C từ 08 đến 09 năm tù.

2. Căn cứ khoản 2, Điều 168; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Siu T1, Rah Lan R từ 07 đến 08 năm tù.

3. Căn cứ khoản 2, Điều 168; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 90, 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt các bị cáo Rah Lan S, Rah Lan B; Kpã T từ 63 đến 72 tháng tù; xử phạt các bị cáo Rah Lan K, Siu T2 từ 60 đến 70 tháng tù, xử phạt bị cáo Siu T3 từ 42 đến 48 tháng tù.

4. Về trách nhiệm dân sự: Miễn xét.

5. Về xử lý vật chứng và về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo có ý kiến: Về tội danh thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị áp dụng thêm cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo dưới mức thấp nhất mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Người bị hại có ý kiến: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: không có ý kiến, yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chư Sê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tối ngày 07/01/2018, Siu C rủ Siu T1, Rah Lan R, Rah Lan B, Rah Lan S, Rah Lan K, Kpã T, Siu T2 và Siu T3 đi cướp tài sản của người đi đường. Đến 23 giờ cùng ngày, các bị cáo đến khu vực ngã ba làng P, xã D chặn xe của ông Dương Văn S, Siu C cầm dao đứng trước đầu xe máy, Siu T3 cầm cây sắt dí vào

hông phải ông Dương Văn S, còn Kpă T, Rah Lan K, Rah Lan R, Siu T2, Siu T1 mỗi người cầm 01 thanh gỗ, Rah Lan S và Rah Lan B không cầm gì đứng xung quanh xe máy của ông Dương Văn S; Siu C nói “Có tiền không đưa đây”, Rah Lan K nói “Có điện thoại không đưa đây” do sợ hãi và sợ bị đánh nên ông Dương Văn S đã lấy 200.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Nokia N216 ra đưa cho Rah Lan R và Rah Lan K; tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt được là 760.000đ. Hành vi của trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” với tình tiết định khung là “Sử dụng vũ khí, phương tiện nguy hiểm” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã truy tố là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của các bị cáo nhằm răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích và phòng ngừa chung cho xã hội. Đây là vụ án có nhiều bị cáo tham gia mang tính chất đồng phạm, nhưng chỉ ở mức độ đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công, phân nhiệm giữa các bị cáo mà các bị cáo chỉ cùng nhau rủ rê thực hiện tội phạm; vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án này là khác nhau và được phân hóa như sau:

Siu C là người khởi xướng, rủ rê và cùng đồng bọn thực hiện hành vi cướp tài sản, Siu C là người trực tiếp cầm dao đứng đầu xe máy của ông Dương Văn S đe dọa bị hại để đồng bọn lấy tài sản nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án này.

Kpă T là người có vai trò đồng phạm, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội tích cực nhất. Sau khi được Siu C rủ, Kpă T đồng ý và chở Siu T1 đi tìm dao và gậy sắt đưa cho Siu C và Siu T3 để làm hung khí. Sau đó, Kpă T cầm gậy gỗ cùng chặn xe đe dọa bị hại nhằm cướp tài sản. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi của mình gây ra.

Siu T1 là người có vai trò đồng phạm, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội tích cực; sau khi được Siu C rủ rê, Siu T1 đồng ý, Kpă T đã chở Siu T1 về nhà Siu T1 lấy dao và cây sắt. Siu T1 cầm 01 thanh gỗ đứng xung quanh bị hại để nhằm cướp tài sản.

Siu T3 là người giữ vai trò đồng phạm và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội tích cực, sau khi được Siu C rủ rê, thuyết đồng ý và khi được Kpă T đưa cây sắt, Thuyết đã dùng cây sắt dí dao vào hông bị hại nhằm đe dọa bị hại để đồng bọn lấy tài sản. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi của mình gây ra.

Rah Lan R, Rah Lan K, Siu T2, Rah Lan S và Rah Lan B là đồng phạm trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, sau khi được Siu C rủ rê các bị cáo đều đồng ý, trong đó Rah Lan R, Rah Lan K, Siu T2 đều cầm thanh gỗ đe dọa bị hại để đồng bọn cướp tài sản. Đối với Rah Lan S và Rah Lan B mặc dù không chuẩn bị hay cầm hung khí nhưng hành vi đứng vây quanh xe nhằm giúp sức đe dọa bị

hại. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi của mình gây ra.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Siu C là người rủ rê, xúi dục Rah Lan K, Siu T2, Rah Lan S, Rah Lan B, Kpă T, Siu T3 là người là người chưa thành niên, vì vậy Siu C phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Siu C, Siu T1, Rah Lan R, Rah Lan B, Rah Lan S, Rah Lan K, Kpă T, Siu T2 và Siu T3 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường 2.700.000 đồng là khoản tiền bồi thường về tổn thất tinh thần cho người bị hại (mỗi bị cáo bồi thường 300.000 đồng); tài sản cướp được đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại, tại phiên tòa người bị hại xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo; sau khi phạm tội các bị cáo đã đầu thú; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật có phần bị hạn chế. Do đó, cần áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 để xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Kpă T, Rah Lan B, Rah Lan S, Rah Lan K, Siu T2 phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, Siu T3 phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi, nhận thức về pháp luật còn hạn chế, vì vậy cần áp dụng Điều 91, 98, 101 Bộ luật hình sự 2015 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Siu C, Siu T1, Rah Lan R, Rah Lan B, Rah Lan S, Rah Lan K, Kpă T, Siu T2 và Siu T3 có hành vi cướp tài sản với mục đích thu lợi bất chính, nhưng xét các bị cáo không có tài sản riêng, sống phụ thuộc vào gia đình nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

Trong quá trình điều tra, đã xác định 05 xe mô tô biển kiểm soát 81V1-16648; 81K5-3739; 81D1- 04312; 81N5-1683 và 29R2- 2696 thuộc sở hữu của gia đình bà Rah Lan P, ông Siu N, Siu H và bà Rah Lan V khi các bị cáo Rah Lan S, Rah Lan B, Kpă T, Rah Lan Krêng và Rah Lan R lấy đi thực hiện hành vi cướp tài sản thì bà Rah Lan P, ông Siu N, Siu H và bà Rah Lan V không biết nên cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Chư Sê đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp nên miễn xét.

Đối với 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Nokia N216 (RM-1187) và 200.000đ mà cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Chư Sê đã thu giữ là tài sản của bị hại Dương Văn S. Nên cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Chư Sê đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp, bị hại đã nhận lại tài sản và tiền hiện không có yêu cầu gì nên miễn xét.

Đối với 01 con dao kích thước 58cm, phần lưỡi dao dài 35,5cm phần cán dao bằng tre dài 22,5cm mũi dao nhọn; 01 cây sắt tròn dài 92cm, đường kính 2,5cm là vật chứng trong vụ án xác định là của gia đình ông Rah Lan Hét và ông Hét không có yêu cầu xin lại 01 con dao dài 58cm và 01 cây sắt dài 92cm trên.

Xét đây là công cụ, phương tiện để các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, có giá trị không lớn nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 05 thanh gỗ gồm: 01 thanh gỗ tròn dài 71cm, đường kính lớn nhất 03cm, nhỏ nhất 02cm; 01 thanh gỗ hình chữ nhật dài 64cm có diện tích (4,5 x 2,5)cm; 01 thanh gỗ tròn dài 96,5cm đường kính 03cm; 01 thanh gỗ hình chữ nhật dài 98cm, đầu lớn nhất diện tích (5,5 x 2,5)cm đầu nhỏ nhất diện tích (3,5 x 2,5)cm; 01 thanh gỗ hình chữ nhật dài 68cm đầu lớn nhất có diện tích (5 x 2,5)cm đầu nhỏ nhất có diện tích 3 x 2,5)cm. Xét đây là công cụ, phương tiện để các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về dân sự: Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã tác động gia đình đến thăm hỏi xin lỗi người bị hại và đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại là 2.700.000 đồng tiền tổn thất tinh thần (mỗi bị cáo bồi thường 300.000 đồng). Hiện ông Dương Văn S đã nhận đủ tiền, không có yêu cầu gì nên miễn xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên xử: Các bị cáo Siu C, Siu T1, Rah Lan R, Rah Lan B, Rah Lan S, Rah Lan K, Kpă T, Siu T2 và Siu T3 phạm tội “Cướp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 2 Điều 168; điểm b, s, khoản 1, 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Siu C 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 08/01/2018.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Siu T1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 08/01/2018.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Rah Lan R 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 08/01/2018.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Kpă T 63 (sáu mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 08/01/2018.

5. Áp dụng khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Rah Lan K 60 (sáu mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 08/01/2018.

6. Áp dụng khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Rah Lan B 63 (sáu mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 08/01/2018.

7. Áp dụng khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Rah Lan S 63 (sáu mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 08/01/2018.

8. Áp dụng khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Siu T2 60 (sáu mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 08/01/2018.

9. Áp dụng khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, các Điều 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Siu T3 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/01/2018 đến ngày 14/01/2018.

3. Về hình phạt bổ sung và về trách nhiệm dân sự: Miễn xét.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Xử: tịch thu, tiêu hủy 01 con dao kích thước 58cm, phần lưỡi dao dài 35,5cm phần cán dao bằng tre dài 22,5cm mũi dao nhọn; 01 cây sắt tròn dài 92cm, đường kính 2,5cm; 05 thanh gỗ gồm: 01 thanh gỗ tròn dài 71cm, đường kính lớn nhất 03cm, nhỏ nhất 02cm; 01 thanh gỗ hình chữ nhật dài 64cm có diện tích (4,5 x 2,5)cm; 01 thanh gỗ tròn dài 96,5cm đường kính 03cm; 01 thanh gỗ hình chữ nhật dài 98cm, đầu lớn nhất diện tích (5,5 x 2,5)cm đầu nhỏ nhất diện tích (3,5 x 2,5)cm; 01 thanh gỗ hình chữ nhật dài 68cm đầu lớn nhất có diện tích (5 x 2,5)cm đầu nhỏ nhất có diện tích 3 x 2,5)cm.

(Đặc điểm các vật chứng trên theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/02/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Sê và Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Buộc các bị cáo Siu C, Siu T1, Rah Lan R, Rah Lan B, Rah Lan S, Rah Lan K, Kpă T, Siu T2 và Siu T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

6. Về kiến nghị: Không.

7. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo; người đại diện hợp pháp theo pháp luật cho các bị cáo; người bào chữa cho các bị cáo; người bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình để yêu cầu Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Sê;
- CA huyện Chư Sê;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- THAHS-THADS;
- Lưu HSVA;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tiến Sỹ